

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2022.

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vũ Thành Phi;

2. Bà Lương Thị Bạch Huệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Cẩm Thoang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Hà Trọng Hiếu, kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở TAND huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà P, sinh năm 1976; Cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông T, sinh năm 1973; Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Cư trú tại: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn P trình bày:*

Bà P và ông T tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì ông T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, dẫn đến hai bên thường kình cãi. Năm 2012, ông T nhậu say về gây sự, đánh bà P rồi bỏ về quê ở thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên sinh sống. Từ đó, hai bên không liên lạc, qua lại với nhau, mạnh ai người đó sống. Nay, bà P nhận thấy không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Vợ chồng không có con chung, tài sản gì nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Bị đơn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lời trình bày.*

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì vắng mặt bị đơn.
 Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà P được ly hôn với ông T; Con chung: Không có nên không đề nghị xem xét; Tài sản và các nghĩa vụ về tài sản: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn nên quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn cư trú tại huyện Tây Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Tây Hòa theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 09/5/1997 (*Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 09/5/1997*) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà P yêu cầu ly hôn với lý do ông T không chú tâm làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không quan tâm nhau, mạnh ai người đó sống. Xét thấy, cuộc sống chung của vợ chồng bà P, ông T xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung đã hơn 10 năm, không ai quan tâm đến ai. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của bà P, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà P được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Nguyên đơn trình bày vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà P được ly hôn với ông T.

2. *Về án phí*: Nguyên đơn P phải chịu: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai số 0002378 ngày 19/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà P đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- Các đương sự;
 - Viện KSND huyện Tây Hòa;
 - TAND tỉnh Phú Yên;
 - UBND xã H
- (Giấy ĐKKH số 22/1997
Ngày 09/5/1997);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huệ